

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/DS-PT

Ngày 07 - 01 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Bà Đinh Thị Tuyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 344/2024/TLPT-DS ngày 30/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 150/2024/DS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 369/2024/QĐ-PT ngày 20/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Phi H, sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường H, thôn H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Châu Đình T, sinh năm: 1981 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: P, Tòa nhà T, số A, đường N, Phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 25/8/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Châu Quý Q – Luật sư thuộc Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: P, Tòa nhà T, số A, đường N, Phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thúy T1, sinh năm: 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Hợp tác xã vận chuyển hàng hóa và hành khách C (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số H H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện pháp luật: Ông Phạm Văn M (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số H, đường L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thu P (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1955 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số C H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Trương Văn L, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người làm chứng:

- Ông Trần Quốc K (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lê Thanh H1 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường H, tổ dân phố T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Phạm Đức T2 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Bá M1 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Mỹ T3 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị Thúy T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Phi H có đại diện ủy quyền là ông Châu Đình T trình bày:

Ngày 10/7/2012, ông Lê Phi H có mua 01 chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, số loại Huyndai HB120ESL, biển kiểm soát 47B-003.58 của bà Trần Thị Thúy T1 với số tiền 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*). Vì ông H và bà T1 là chị em nên hai bên tin tưởng nhau, chỉ lập 01 giấy bán xe ô tô viết tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và cũng không đăng ký sang tên đổi chủ theo quy định. Ông H đã giao toàn bộ số tiền trên cho bà T1, bà T1 có ký xác nhận đã nhận đủ tiền trong giấy mua bán xe chứ không có giấy giao nhận tiền nào khác. Bà T1 đã giao xe cũng như bản chính các giấy tờ liên quan gồm: 01 giấy đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt

buộc và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chiếc xe 47B-003.58 cho ông H quản lý, sử dụng từ năm 2012 đến nay.

Sau đó ông H nhiều lần yêu cầu bà T1 làm thủ tục mua bán xe theo quy định của pháp luật nhưng bà T1 không thực hiện. Ông H đã nhận xe, khai thác, quản lý và thu lợi nhuận từ việc kinh doanh xe nên cũng không quyết liệt yêu cầu bà T1 phải thực hiện việc sang tên xe, bà T1 cứ né tránh việc làm thủ tục sang tên chiếc xe. Đến ngày 03/7/2020, bà Trần Thị Thúy T1 đã dẫn người đến đưa xe về quản lý cho đến nay. Hơn nữa ngày 13/3/2020, bà T1 đã thỏa thuận bà T1 nợ bà Cao Thị H2 số tiền 1.815.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm mười lăm triệu đồng*) theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2020/QĐST-DS của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Ngày 27/3/2020, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.58. Do tài sản đã bị bà T1 chiếm giữ và bị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột kê biên, nên các bên không thể tiến hành thủ tục sang tên hoàn thành việc mua bán.

Theo đơn khởi kiện ông Lê Phi H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T1 tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán ngày 10/7/2012 đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.58. Ngày 20/4/2022, ông H có đơn thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.58 giữa ông H và bà T1 là vô hiệu; Buộc bà T1 phải trả lại cho ông H số tiền 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*) đã nhận khi mua bán xe. Ngoài ra ông Lê Phi H không có yêu cầu gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật, ông H không có yêu cầu bồi thường gì.

Ông H đồng ý với kết quả định giá đối với chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, số loại Hyundai HB120ESL, biển kiểm soát 47B-003.58 và không có ý kiến gì khác.

Bị đơn bà Trần Thị Thúy T1 trình bày:

Bà Trần Thị Thúy T1 là chủ sở hữu chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, số loại Hyundai HB120ESL, biển kiểm soát 47B-003.58, đã được Phòng C Công an tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký xe số 013074 ngày 13/01/2012. Bà T1 mua chiếc xe trên để nhằm mục đích kinh doanh vận tải hành khách. Trong quá trình sử dụng, bà T1 xác định không mua bán, tặng cho, ... chiếc xe trên cho bất cứ ai. Bà T1 xác định bà không có lập giấy bán xe trên cho ông H như giấy mua bán xe ngày 10/7/2012 do phía nguyên đơn cung cấp. Từ năm 2012 bà T1 nhờ mẹ là bà Nguyễn Thị B quản lý, điều hành chiếc xe trên giúp bà T1, vì xe hoạt động kinh doanh thông qua Hợp tác xã vận tải hàng hóa, giấy tờ xe và các giấy tờ liên quan đều để ở trên xe để tài xế sử dụng khi xe lưu hành. Đến ngày 03/7/2020, bà T1 không để cho bà B quản lý xe nữa mà đã lấy xe về quản lý cho đến nay, hiện nay

bà T1 vẫn đang quản lý chiếc xe trên. Về giấy tờ xe, khi lấy xe bà T1 không thấy giấy tờ xe, bà T1 không xác định được hiện nay ai là người đang quản lý giấy tờ xe. Trước đây ông H khởi kiện yêu cầu bà T1 phải tiếp tục thực hiện việc mua bán chiếc xe ô tô khách biển kiểm soát 47B-003.58 cho ông H, tuy nhiên nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô khách nói trên giữa ông H và bà T1 là vô hiệu; buộc bà T1 phải trả lại cho ông H số tiền 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*) đã nhận thì bà T1 có ý kiến như sau: Bà T1 không mua bán chiếc xe trên với ông H, cũng không nhận số tiền trên nên bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì khác. Chiếc xe này là tài sản riêng của bà T1 trước hôn nhân, không liên quan gì đến chồng bà T1 là ông Trương Văn L cũng như không liên quan đến người nào khác.

Đối với kết quả định giá chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, số loại Hyundai HB120ESL, biển kiểm soát 47B-003.58: Bà T1 đã được Tòa án thông báo về kết quả định giá mà Hội đồng định giá đã kết luận đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.58 tranh chấp trong vụ án, bà T1 đồng ý và không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn L trình bày:

Ông Trương Văn L và bà Trần Thị Thúy T1 kết hôn vào ngày 24/02/2012. Bà T1 là chủ sở hữu chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu Thaco, số loại Hyundai HB120ESL, biển kiểm soát 47B-003.58, đã được Phòng Cảnh sát Công an tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký xe số 013074 ngày 13/01/2012. Chiếc xe này là tài sản của bà T1 trước khi kết hôn, vì vậy ông L không liên quan đến việc định đoạt chiếc xe này. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã vận chuyển hàng hóa và hành khách Cư M2 có đại diện pháp luật là ông Phạm Văn M trình bày:

Ông Phạm Văn M là giám đốc Hợp tác xã vận chuyển hàng hóa và hành khách Cư M2 từ năm 2000 đến nay. Tháng 02/2012, gia đình bà Nguyễn Thị B và ông Trần Hoài P1 có đơn xin gia nhập Hợp tác xã mở tuyến E đi thành phố Hồ Chí Minh, bổ sung xe vào tuyến chạy nốt tài 19 giờ 30 phút hàng ngày tại 02 đầu bến. Sau đó hộ bà Nguyễn Thị B có gửi hồ sơ xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.77 và 47B-003.58 vào hoạt động nhưng xe mang tên bà Trần Thị Thúy T1. Hợp tác xã đã làm các thủ tục nhập xe vào Hợp tác xã. Về tư cách xã viên là hộ gia đình bà Nguyễn Thị B, còn đứng tên để làm thủ tục bổ sung xe là do bà T1 đứng tên. Bà T1 là xã viên Hợp tác xã từ năm 2005. Về điều hành hoạt động vận tải khai thác tuyến do Hợp tác xã điều hành trực tiếp lái xe và nhân viên phục vụ trên xe. Về điều hành thực hiện các quy định vận tải và điều lệ Hợp tác xã, nộp thuế, phí... là do ông Lê Phi H và ông Trần Hoài P1 nộp. Nếu trong quá trình hoạt động có việc gì liên quan đến 02 xe ô tô trên hệ thống văn phòng Hợp tác xã và bến xe

điều hành là ông P1 và ông H. Năm 2012 có 02 chiếc xe mang tên bà T1 đăng ký chạy tuyến E - Bến xe M. Đến tháng 01/2020, bà T1 rút cổ phần xin nghỉ việc tại Hợp tác xã. Việc bà T1 đứng tên chủ sở hữu 02 xe ô tô là 47B-003.77 và 47B-003.58 là đúng thực tế, còn việc bà đứng tên hộ hay mua bán với ông H, ông P1, bà P2 thì Hợp tác xã không biết. Đến ngày 16/9/2020, ông H có nhờ Hợp tác xã xác nhận nội dung: Từ năm 2012 hộ gia đình bà Nguyễn Thị B có ủy quyền cho ông H, ông P1 chịu trách nhiệm điều hành và nộp các loại phí cho Hợp tác xã và bến xe theo đơn của ông H. Ông H chỉ là người điều hành hoạt động của các xe trên tại Hợp tác xã theo sự ủy quyền của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp trình bày:

Ngày 25/5/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp nhận được quyết định ủy thác thi hành án số 112/QĐ-CCTHADS ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về việc ủy thác thi hành án đối với người phải thi hành án là bà Trần Thị Thúy T1, địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp đã ban hành Quyết định thi hành án số 368/QĐ- CCTHADS để tiếp tục tổ chức việc thi hành án đối với người phải thi hành án là bà T1 theo quy định. Ngày 26/8/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp ban hành Quyết định hoãn thi hành án số 21/QĐ-CCTHADS đối với người phải thi hành án là bà T1.

Đối với chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 47B-003.58, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột đã áp dụng biện pháp tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản theo Quyết định số 108/QĐ-CCTHADS ngày 27/3/2020.

Ngày 27/5/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp có Thông báo số 294/TB-CCTHADS về việc thi hành xong các nghĩa vụ dân sự theo Bản án, Quyết định của Tòa án. Theo đó Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp đã ban hành Quyết định đình chỉ thi hành án đối với bà Trần Thị Thúy T1 theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột trình bày:

Theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp ngăn chặn tài sản của ông Nguyễn Văn L1, địa chỉ số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 22/8/2023, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định số 218/QĐ-CCTHADS về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đối với tài sản là xe mang biển kiểm soát 47B-003.58, năm sản xuất 2012, loại xe: ô tô khách, màu sơn: đỏ, số máy D6CBB222486, số khung 42SBKCC091708, nhãn hiệu THACO, số loại HUYNDAI, do bà Trần Thị Thúy T1 phải thi hành nghĩa vụ theo các Quyết định thi hành án số 660/QĐ-CCTHADS

ngày 01/12/2022, số 1257/QĐ-CCTHADS ngày 14/02/2023, Quyết định số 2430/QĐ-CCTHADS ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Hiện vẫn đang áp dụng Quyết định số 218/QĐ-CCTHADS ngày 22/8/2023 về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đối với tài sản là xe mang biển kiểm soát 47B-03.58 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà Nguyễn Thị B là mẹ ruột của bà Trần Thị Thúy T1 và là mẹ vợ của ông Lê Phi H. Bà B xác định chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.58 là của ông Lê Phi H. Việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.58 giữa ông H và bà T1 cụ thể như thế nào thì bà B không nắm rõ, tuy nhiên bà xác định không có việc bà T1 ủy quyền cho bà quản lý, điều hành chiếc xe ô tô trên và cũng không có việc ông H đưa giấy trắng để bà T1 ký trong quá trình điều hành xe. Bà B là chủ hộ kinh doanh cá thể nên có thể trong quá trình tham gia Hợp tác xã bà có ký thủ tục ủy quyền cho ông H điều hành xe, vì đã lâu nên bà không nhớ rõ. Tuy nhiên bà B xác định xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.58 là xe của ông H, ông H là người trực tiếp quản lý, điều hành xe ô tô trên. Bà B không liên quan gì đến xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.58 và cũng không liên quan gì đến tranh chấp giữa ông H và bà T1, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Nguyễn Mỹ T3 trình bày:

Ông Nguyễn Mỹ T3 là phụ xe của chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 47B-003.58 từ năm 2015 đến năm 2017, nhiệm vụ là xếp hàng hóa, liên hệ nhận hàng. Ông H và ông P1 là người trực tiếp thuê và trả tiền công cho ông T3. Việc ai đứng tên chủ sở hữu chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 47B-003.58, việc mua bán, sang nhượng xe và tranh chấp giữa ông H và bà T1 như thế nào thì ông T3 hoàn toàn không biết, không có liên quan gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2024/DS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 161, 162, 165, 166, 227, 228, 229, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 121, 122, 124, 127, 134, 137, 428, 439 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 116, 117, 119, 122, 129, 131, 430, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phi H.

Tuyên hợp đồng mua bán lập ngày 10/7/2012 giữa ông Lê Phi H và bà Trần Thị Thúy T1 đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu THACO, số loại HYUNDAI, loại xe: Khách, màu sơn đỏ, số máy: D6CBB222486, số khung: 42SBKCC091708, biển kiểm soát 47B-003.58 vô hiệu.

Buộc bà Trần Thị Thúy T1 phải trả cho ông Lê Phi H số tiền 1.290.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng).

Ông Lê Phi H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thúy T1 bản chính các giấy tờ gồm: 01 (Một) giấy đăng ký xe, 01 (Một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, 01 (Một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc và 01 (Một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.58.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phi H đối với yêu cầu buộc bà Trần Thị Thúy T1 phải trả số tiền 1.710.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm mười triệu đồng).

3. Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Bà Trần Thị Thúy T1 phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Bà Trần Thị Thúy T1 đã tạm ứng nộp và đã chi phí xong.

4. Về chi phí định giá tài sản: Bà Trần Thị Thúy T1 phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí định giá tài sản. Ông Lê Phi H được nhận lại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tạm ứng chi phí định giá tài sản sau khi thu được của bà Trần Thị Thúy T1.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thúy T1 phải chịu tổng số tiền 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Phi H được nhận lại tổng số tiền 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0008088 ngày 09/6/2020 (Ông Nguyễn Hoài A nộp thay) và biên lai thu số AA/2021/0012805 ngày 04/5/2022 (Bà Nguyễn Thị B nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12/8/2024, bị đơn bà Trần Thị Thúy T1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm định giá lại giá trị tài sản tại thời điểm xét xử theo quy định pháp luật đối với: Xe ô tô nhãn hiệu THACO, số loại HUYNDAI, loại xe khách, màu sơn đỏ, số máy: D6CBB222486, số khung: 42SBKCC091708, biển kiểm soát: 47B-003.58.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thúy T1 là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự – Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thúy T1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 150/2024/DS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thúy T1 làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về giao dịch mua bán:

Giấy bán xe ô tô lập ngày 10/7/2012 có chữ viết, chữ ký của nguyên đơn ông Lê Phi H, bị đơn bà Trần Thị Thúy T1 thể hiện bà T1 bán cho ông H 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu THACO, số loại HYUNDAI, loại xe: Khách, màu sơn đỏ, số máy: D6CBB222486, số khung: 42SBKCC091708, biển kiểm soát 47B-003.58 đã được Phòng C Công an tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013074 ngày 13/01/2012 đứng tên chủ sở hữu bà Trần Thị Thúy T1, với giá 3.000.000.000 đồng. Bà T1 đã nhận đủ tiền và giao xe, các loại giấy tờ xe cùng các giấy tờ liên quan khác cho ông H. Chữ ký, chữ viết của bị đơn bà Trần Thị Thúy T1 trong giấy mua bán xe nói trên đã được trung cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 183/KLGĐ – PC09 ngày 18/02/2020 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị Thúy T1 trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (Giấy bán xe ô tô đề ngày 10/7/2012) so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị Thúy T1 trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra. Ông H sau khi nhận xe đã sử dụng hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận. Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định nguyên đơn và bị đơn có thực hiện giao dịch mua bán xe với nhau. Tuy nhiên, việc mua bán giữa các bên không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về mặt hình thức đó là việc mua bán ô tô

phải lập thành văn bản có công chứng, chứng thực và phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định tại Thông tư 36/2010/TT- BCA ngày 12/10/2010 quy định về đăng ký xe tại thời điểm mua bán. Do không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm xác định hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 10/7/2012 giữa ông H và bà T1 vô hiệu và xác định lỗi cả hai bên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thúy T1 cho rằng cấp sơ thẩm tuyên xử giao cho bà T1 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.58 và buộc bà T1 phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.290.000.000 đồng là không thỏa đáng và đề nghị cấp phúc thẩm định giá lại giá trị xe tại thời điểm xét xử.

Hội đồng xét xử, thấy hợp đồng mua bán xe ô tô lập ngày 10/7/2012 giữa nguyên đơn ông Lê Phi H và bị đơn bà Trần Thị Thúy T1 bị vô hiệu do lỗi của nguyên đơn và bị đơn, nên các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 và cùng chịu rủi ro về hao mòn, giảm sút giá trị xe ô tô. Ông H đã sử dụng xe ô tô nói trên và khai thác kinh doanh, trực tiếp thu lợi nhuận từ việc kinh doanh xe từ ngày ký kết hợp đồng mua bán xe, nhận xe ngày 10/7/2012 đến ngày 03/7/2020 là ngày bà T1 lấy xe về quản lý. Căn cứ vào biên bản định giá ngày 21/5/2024 của Hội đồng định giá xác định: Giá trị còn lại của chiếc xe trên tại thời điểm ngày 03/7/2020 (là ngày bà T1 lấy xe về) là 43%, trị giá 1.290.000.000 đồng. Việc ông H khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả lại số tiền 3.000.000.000 đồng là không thể chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, mà chỉ chấp nhận một phần khởi kiện sau khi trừ khấu hao giá trị xe ô tô 1.710.000.000, buộc bà T1 trả lại giá trị xe còn lại tương ứng số tiền 1.290.000.000 đồng như cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Giá trị xe được tính tại thời điểm bà T1 lấy xe về là đúng và có căn cứ. Do đó việc bà T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại giá trị xe tại thời điểm xét xử để giải quyết lại hậu quả của hợp đồng vô hiệu, do hiện tại giá trị xe không còn trị giá 1.290.000.000 đồng là không thể chấp nhận được. Bởi lẽ, lý do từ ngày 03/7/2020 đến nay xe ô tô nói trên không được phép đưa vào sử dụng là do ngày 03/7/2020 khi bà T1 cho người đến lấy xe về đã bị Cơ quan Công an tạm giữ do vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Sau đó, ngày 22/8/2023, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định số 218/QĐ-CCTHADS về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đối với tài sản là xe mang biển kiểm soát 47B-003.58 nói trên là do bà Trần Thị Thúy T1 phải thi hành nghĩa vụ theo các Quyết định thi hành án số 660/QĐ-CCTHADS ngày 01/12/2022, số 1257/QĐ-CCTHADS ngày 14/02/2023, Quyết định số 2430/QĐ-CCTHADS ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Hiện Quyết định số 218/QĐ-CCTHADS nói trên vẫn đang được áp dụng và chưa bị thay thế hay hủy bỏ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T1, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Trần Thị Thúy T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thúy T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 150/2024/DS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 161, 162, 165, 166, 227, 228, 229, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 121, 122, 124, 127, 134, 137, 428, 439 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 116, 117, 119, 122, 129, 131, 430, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phi H.

Tuyên hợp đồng mua bán lập ngày 10/7/2012 giữa ông Lê Phi H và bà Trần Thị Thúy T1 đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu THACO, số loại HYUNDAI, loại xe: Khách, màu sơn đỏ, số máy: D6CBB222486, số khung: 42SBKCC091708, biển kiểm soát 47B-003.58 vô hiệu.

Buộc bà Trần Thị Thúy T1 phải trả cho ông Lê Phi H số tiền 1.290.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng).

Ông Lê Phi H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thúy T1 bản chính các giấy tờ gồm: 01 (Một) giấy đăng ký xe, 01 (Một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, 01 (Một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc và 01 (Một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô biển kiểm soát 47B-003.58.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2.2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phi H đối với yêu cầu buộc bà Trần Thị Thúy T1 phải trả số tiền 1.710.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm mười triệu đồng).

[2.3] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Bà Trần Thị Thúy T1 phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Bà Trần Thị Thúy T1 đã tạm ứng nộp và đã chi phí xong.

[2.4] Về chi phí định giá tài sản: Bà Trần Thị Thúy T1 phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí định giá tài sản. Ông Lê Phi H được nhận lại số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tạm ứng chi phí định giá tài sản sau khi thu được của bà Trần Thị Thúy T1.

[2.5] Về án phí:

[2.5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thúy T1 phải chịu tổng số tiền 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Phi H được nhận lại tổng số tiền 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0008088 ngày 09/6/2020 (Ông Nguyễn Hoài A nộp thay) và biên lai thu số AA/2021/0012805 ngày 04/5/2022 (Bà Nguyễn Thị B nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2.5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Thúy T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013413 ngày 22/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ My

